

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 34/2024/ HNGĐ - ST
Ngày 13 tháng 8 năm 2024.
Về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Lụa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Duy Bình.

2. Ông Hồ Trọng Trung

Thư ký phiên toà: Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLST- HNGĐ ngày 05/6/2024. Về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐ-HNGĐ ngày 29/7/2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vy Thị H, sinh năm 1981 (Vi Thị H, sinh năm 1982). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn BKh, xã D Q, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lương Văn D, năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn BKh, xã D Q, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị Vy Thị H (Vi Thị H) trình bày, có yêu cầu: Ngày 03/6/2016, chị và anh Lương Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Quỳ. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Cụ thể do anh D rong chơi, không chịu tu trí làm ăn nuôi sống bản thân và gia đình mà đua đòi dẫn đến nghiện chất ma túy, lần bị quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện gần đây nhất vào năm 2022. Mâu thuẫn giữa chị và anh D đã bị rạn nứt, gay gắt từ năm 2018 đã sống ly thân, bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau tính đến nay khoảng 06 năm nên chị không có thai với anh D. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ chồng với anh D. Chị đề nghị đ-ợc ly hôn với anh Lương Văn D.

Về con: Chị H xác định, có 02 con chung là cháu Lương Thành L, sinh ngày 28/4/2010, cháu Lương Toàn C, sinh ngày 06/4/2016. Hiện cháu L, cháu C đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị đề nghị Tòa tiếp tục giao cháu L, cháu C cho chị trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản: Chị H xác định, chị và anh D tự thỏa thuận. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Chị H xác định, chị và anh D không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai của anh Lương Văn D bày, có yêu cầu: Anh công nhận chị H trình bày về thời gian kết hôn, lý do mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân phần trên là đúng. Tuy nhiên, giữa anh và chị H có nhiều lần trao đổi, đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần để anh sửa chữa nhưng không có kết quả, gay gắt nhất vào năm 2018 đã tự sống ly thân mỗi người một nơi, chị H sống ở nhà tại thôn bản Khoay, xã Dương Quỳ, còn anh D ở cơ sở cai nghiện bắt buộc, chị H bỏ mặc, không chăm nom gì. Đến năm 2020, anh D chấp hành xong trở về địa pH, nhưng vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Đến năm 2022, anh D tiếp tục bị Tòa án nhân dân Huyện Văn Bàn quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đến cuối năm 2023 thì trở về địa pH. Đến đầu năm 2024, chị H khởi kiện ly hôn, nuôi con với anh, anh đã hứa sửa chữa nên chị H đã rút đơn cho anh cơ hội nhưng sau đó anh D vẫn có biểu hiện không sửa chữa. Đến đầu tháng 6/2024 chị H tiếp tục gửi đơn đề nghị ly hôn anh, trong thời gian này, anh liên lạc, quan tâm hỏi han và gặp chị H hòa giải đoàn tụ nhưng chị H thờ ơ với hôn nhân, không đồng ý chung sống với anh kể năm 2018 đến nay ai biết bổn phận người đó, không chung kinh tế của ai người đó tự quản lý, sử dụng bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau tính đến nay khoảng 06 năm, anh đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng sau đó anh D không thể làm hài lòng chị H để chị H về sống chung cùng anh, đến nay không còn cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng với chị H nhưng không có cách nào để chị H đoàn tụ vợ chồng với anh. Nếu chị H cương quyết ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn. Nay xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng đối với chị H, mục đích đoàn tụ thì anh chưa tìm ra được cách gì để chị H đoàn tụ vợ chồng, xây dựng hạnh phúc với anh. Anh đề nghị giải quyết cho anh đ-ợc đoàn tụ vợ chồng với chị Vy Thị H (Vi Thị H).

Về con: Anh C nhận chị H trình bày phần trên là đúng. Nếu phải ly hôn, anh D đề nghị giao cháu Lương Thành L, sinh ngày 28/4/2010, cháu Lương Toàn C, sinh ngày 06/4/2016 cho anh D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cháu L, cháu C mỗi tháng 1.000.000đ/tháng/con cùng anh đến khi đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nghĩa vụ thanh toán: Anh nhất trí như yêu cầu khởi kiện. Do vậy, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của chị H. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn chị Vy Thị H (Vi Thị H) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Lương Văn D vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành việc có mặt tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử, chị Vy Thị H (Vi Thị H) được ly hôn với anh Lương Văn D.

Về con chung: Giao cháu Lương Thành L, sinh ngày 28/4/2010, cháu Lương Toàn C, sinh ngày 06/4/2016 cho chị Vy Thị H (Vi Thị H) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L, cháu C đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Vy Thị H (Vi Thị H) yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Xét thấy, bị đơn anh Lương Văn D cư trú tại thôn Bản Khoay, xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vy Thị H (Vi Thị H) xác định, ngày 03/6/2016 chị và anh Lương Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Quỳ. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm, đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống, anh D không

tu chí làm ăn mà đua đòi dẫn đến nghiện chất ma túy. Năm 2018, anh D bị Tòa án quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đến đầu năm 2020, anh D chấp hành xong trở về địa pH nhưng không sửa đổi. Đến năm 2022, anh D tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong thời gian anh D cai nghiện, chị H không quan tâm, thăm nom anh D. Cuối năm 2023, anh D trở về địa pH nhưng vẫn có biểu hiện không sửa chữa, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, chị H không còn tình cảm với anh D từ năm 2018, đến nay đã sống ly thân, không quan tâm, mục đích hôn nhân không đạt được đã sống ly thân, bỏ mặc không quan tâm, kinh tế của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay khoảng 06 năm, thiếu đi sự chăm lo, yêu tH, giữa vợ và chồng. Chị H yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh D mà không được chấp nhận yêu cầu thì chị tiếp tục sống ly thân với anh D như hiện nay. Anh D muốn đoàn tụ vợ chồng, không nhất trí ly hôn. Xét thấy, trong thời gian sống ly thân, anh D đã quan tâm đến vợ và các con để chị H quay về đoàn tụ vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con nhưng chị H thực sự không còn tình cảm vợ chồng với anh D. Anh D có thái độ bỏ mặc hôn nhân, không có thiện trí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng, không giao nộp tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con để chứng minh cho yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của mình là có căn cứ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vy Thị H (Vi Thị H) đề nghị được ly hôn với anh Lương Văn D.

Về con chung: Mặc dù quá trình tham gia tố tụng chị H và anh D không thỏa thuận việc giao con khi ly hôn. Tuy nhiên, quá trình ly thân anh D đã tự giao cháu Lương Thành L, sinh ngày 28/4/2010, cháu Lương Toàn C, sinh ngày 06/4/2016 cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D có nguyện vọng nuôi cháu L và cháu C đến khi trưởng thành, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/ tháng/cháu.

Xét thấy, điều kiện nuôi con của chị H và anh D, qua kết quả xác minh, thấy rằng: Chị H có sức khỏe, có sức lao động, có nơi ở ổn định, chị H là lao động tự do có nguồn thu nhập hàng tháng 5 triệu đồng đến 6 triệu đồng/tháng. Anh D là lao động tự do có nguồn thu nhập khoảng 3.000.000đ đến 4.000.000đ/tháng. Kể từ khi ly thân, chị tự mình nuôi con từ năm 2018 đến nay, cuộc sống của chị và các con vẫn được đảm bảo tốt. Đối với anh Lương Văn D, là đối tượng nghiện ma túy, đã bị Tòa án ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc 02 lần, lần gần đây nhất năm 2022. Ngoài ra, cháu L và cháu C đều có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống cho các cháu, cần chấp nhận đề nghị của chị H giao cháu L, cháu C cho chị H tiếp tục trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của chị H và anh D tự nguyện giao con của các đương sự khi ly thân.

[3] Về sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vy Thị H (Vi Thị H) phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Lương Văn D không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Vy Thị H (Vi Thị H) đ- ợc ly hôn với anh Lương Văn D.

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Vy Thị H (Vi Thị H) và anh Lương Văn D chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao Lương Thành L, sinh ngày 28/4/2010, cháu Lương Toàn C, sinh ngày 06/4/2016 cho Vy Thị H (Vi Thị H) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L, cháu C trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Văn D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Vy Thị H (Vi Thị H) phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d tại biên lai thu tiền số 0001484 ngày 05/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Lương Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 271; 272; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự
Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận
được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã Dương Quỳ (01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Lụa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã (01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Lụa

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Căn cứ vào lời khai người làm chứng biết về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con giữa chị Pháy (chị Loan) và anh D thể hiện tại các bút lục số 13,14, 15, 34, 35 xác định:“ tôi thấy anh D thường xuyên uống rượu về điều qua tiếng lại đánh chị Pháy (Loan) vô cớ, khi anh D đánh chị Pháy (Loan) về đêm mà còn sớm thì chị Pháy (Loan) có thể chạy đến trốn ở nhà hàng xóm. Đã nhiều lần gia đình khuyên bảo để chị Pháy (Loan) và anh D đoàn tụ lần qua lần nhưng không có hết quả, anh D vẫn không sửa chữa mà tiếp tục uống rượu đánh chị Pháy (Loan). Đến khoảng tháng 11/2022 chị Pháy (Loan) bỏ về nhà mẹ đẻ ở Bản Nậm Sáng, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu sống bỏ mặc không quan tâm gì đến anh D nên theo tôi tình cảm vợ chồng chị Pháy (Loan) và anh D khó có thể hàn gắn đoàn tụ vợ chồng được”.